TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG CHÀ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2020/HSST
Ngày 09/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Tiến Hưng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiên

2. Ông Khoàng Văn Hặc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **bà Nguyễn Kim Phượng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu**- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện MC, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân huyện MC số: 14/2020/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lù Thị N (tên gọi khác: không)**,** sinh năm 1978, tại huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng, nương; trình độ văn hóa: không; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Văn Kh, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Lù Thị L, sinh năm: 1955; bị cáo có 01 người con sinh năm 2006; Tiền án: không; Tiền sự: 01 tiền sự vào ngày 31/01/2020 bị công an huyện MC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cho người khác sử dụng nơi ở để sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2020, tạm giam ngày 03/2/2020. Có mặt.

2. Bùi Văn K (tên gọi khác: không) sinh năm 1990, tại huyện TL, tỉnh HB.

Nơi ĐKHKTT: Xóm MD, xã DN, huyện TL, tỉnh HB; Chỗ ở hiện nay: thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hóa:12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T sinh năm 1968 và bà Bùi Thị B - sinh năm 1969; Vợ: Lò Thị T, sinh năm 2000; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự vào ngày 31/01/2020 bị công an huyện

MC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2020, tạm giam ngày 03/02/2020. Có mặt.

Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lù Văn Th - Sinh năm 1993, trú tại: Tổ dân phố số 2, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Cháu Hoàng Thị Q, sinh năm 2006 trú tại: Tổ dân phố số 2, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người giám hộ cho cháu Hoàng Thị Q: bà Lù Thị Đ, sinh năm: 1985 trú tại Tổ dân phố số 2, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người làm chứng:

Ông Vàng Văn S - Sinh năm 1974, trú tại: Tổ dân phố số 1, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn K: ông Phùng Việt H. Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Thị N ông Bùi Đình M Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 31/01/2020, Bùi Văn K gặp một người đàn ông ở khu vực suối thuộc tổ 2, thị trấn MC, qua trao đổi K mua của người này 500.000 đồng được 01 gói heroine gói bằng mảnh nilon màu xanh. Mục đích để sử dụng cho bản thân. Sau đó, K đi vào nhà Lù Thị N, qua trao đổi K đã mua của N 01 viên Methamphetamine với giá 40.000 đồng. Sau khi trao đổi mua bán ma túy với N xong thì K lấy một ống nhựa uống nước, một chai nhựa và tự chế để sử dụng ma túy. K ngồi ở giường nhà N lấy viên Methamphetamine vừa mua được dùng dao lam cắt ½ viên ra sử dụng. K vừa sử dụng ma túy vừa lấy số heroine mua được từ trước ra chia nhỏ thành 08 gói mỗi gói được gói băng mảnh giấy bạc màu vàng trắng, 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu trắng, sau khi chia heroine xong K cất vào trong túi áo. Đến 14 giờ 20 phút cùng ngày, khi K đang sử dụng ma túy thì bị tổ công tác công an huyện MC vào kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ 09 gói heroine có khối lượng 0,632 gam ở trong túi áo khoác mà K đang mặc và ½ viên Methamphetamine có khối lượng 0,061 gam ở trên giường chỗ K ngồi. Kiểm tra trên người của Lù Thị N thu giữ 421.000 đồng trong đó có 40 000 đồng là tiền N bán ma túy cho K có được. Tổ công tác tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với Bùi Văn K và Lù Thị N và niêm phong vật chứng.

Hồi 15 giờ 55 phút ngày 31/01/2020, tổ công tác tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà Lù Thị N, phát hiện và thu giữ dưới đệm ở giường ngủ có 03 viên Methamphetamine trong đó có 01 viên được gói trong mảnh nilon màu xanh còn 02 viên không gói bằng gì cùng số tiền 403.000 đồng; phát hiện và thu giữ ở đệm để trên nóc tủ hai gói nilon màu xanh bên trong có 187 viên Methamphetamine (một gói có 131 viên, một gói có 56 viên). Tổng 190 viên Methamphetamine có khối lượng 20,216 gam; thu giữ trong tủ của N 7.225.000 đồng, thu giữ dưới đất

trong nhà 01 chai nhựa màu trắng có gắn vòi nhựa. N khai nhận toàn bộ số Methamphetamine trên là của N. N đã mua vào ngày 26/01/2020 của một người đàn ông với giá 1.000.000 đồng được 02 gói Methamphetamine được gói bằng túi nilon màu xanh, sau khi mua được ma túy N giấu ở đệm để trên nóc tủ. Mục đích N mua và cất giấu ma túy để bán kiếm lơi. Sáng ngày 31/01/2020, N lấy 04 viên trong đó 02 viên N lấy mảnh nilon màu xanh gói lại còn 02 viên không gói bằng gì và để ở dưới đệm chỗ giường ngủ, số ma túy còn lại N vẫn giấu ở chỗ cũ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, N đã lấy 01 viên từ gói ma túy được gói bằng mảnh nilon màu xanh mà N để ở dưới đệm của giường ngủ bán cho K với giá 40.000 đồng. Khi bán ma túy cho K xong thì N nhận tiền bỏ vào túi quần đang mặc rồi đi ra ngoài nhà còn K vẫn trong nhà N, khi đó có Vàng Văn Sanh đến nhà N chơi, N cùng Sanh vào trong nhà thì thấy K đang ngồi ở giường sử dụng ma túy, ngay sau đó thì tổ công tác vào kiểm tra nhà N, đã phát hiện và thu giữ ma túy của K, tiến hành khám xét nhà N đã thu giữ toàn bộ số ma túy của N.

Kết luận giám định số 150/GĐ-PC09 ngày 08/02/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Bùi Văn K gửi giám định là chất ma túy: loại heroine

- 02 mẫu viên nén màu hồng, màu xanh kí hiệu M1, M2; mẫu viên nén màu hồng ký hiệu M3 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lù Thị N và mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Bùi Văn K gửi giám định là chất ma túy: loại Methamphetamine;

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lù Thị N là 20,216 gam viên nén màu hồng, màu xanh.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Bùi Văn K gồm 0,623 gam chất bột màu trắng và 0,061 gam viên nén màu hồng.

Cáo trạng số: 10/CT-VKS-MC ngày 21/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lù Thị N về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b,i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Bùi Văn K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Áp dụng điểm b,i khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Lù Thị N từ 9 năm 6 tháng đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn K từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251, khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy:19,266 gam Methamphetamine, 0,553 gam heroine còn lại sau giám định; 02 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 08 mảnh giấy bạc màu vàng trắng; 01 mảnh nilon màu xanh; 01 lưỡi dao lam; 01 mảnh giấy bạc bị đốt cháy; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 chai nhựa màu trắng có gắn vòi nhựa.

+ Tịch thu nộp ngân sách số tiền 40.000 đồng.

+ Trả lại bị cáo số tiền 381.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với Lù Thị N, Bùi Văn K.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng các bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí hình sự sơ thẩm, miễn hình phạt bổ sung.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lù Văn Th vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của ông Lù Văn Thắm trong giai đoạn điều tra. Bị cáo Lù Thị N thừa nhận lời khai của ông Thắm là đúng sự thật không có ý kiến nào khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Hoàng Thị Q và người giám hộ cho cháu Quỳnh là chị Lù Thị Đ giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và khẳng định đã được cơ quan cảnh sát điều tra trả lại số tiền của cháu Q gửi bị cáo Lù Thị N.

Người làm chứng là ông Vàng Văn Scó đơn xin vắng mặt tại phiên tòa với lý do phải đi làm ăn, HĐXX công bố lời khai của người làm chứng, các bị cáo thừa nhận lời khai của người làm chứng là đúng sự thật.

Người bào chữa cho các bị cáo Lù Thị N và Bùi Văn K không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện MC đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn K đề nghị HĐXX xem xét áp dụng tình tiết: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân giúp cơ quan tố tụng nhanh chóng kết thúc vụ án và xem các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên trình độ và nhận thức có phần hạn chế, hoàn cảnh kinh tế khó khăn thuộc hộ cận nghèo; có con còn nhỏ nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS để xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm do Kiểm sát viên đề nghị là 24 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí đối với Bùi Văn K.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Thị N đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không được đi học nên trình độ hạn chế, nghề nghiệp làm ruộng hoàn cảnh gia đình và kinh tế rất khó khăn, có mẹ già yếu và con còn nhỏ, thành khẩn khai báo và ăn năn hối hận về hành vi phạm tội. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS và các tình tiết khác theo hướng có lợi cho bị cáo để xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 7 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí đối với bị cáo Lù Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Tại phiên tòa, các bị cáo Lù Thị N, Bùi Văn K đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. HĐXX thấy rằng lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và Biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng và kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Lời khai của các bị cáo phù hợp về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội và lời khai của những người làm chứng và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do đó Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Lù Thị N hai lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể: lần thứ N vào khoảng 14 giờ ngày 31/01/2020 N đã bán cho Bùi Văn K 0,061 gam Methamphetamine với giá 40.000 đồng; lần thứ hai vào hồi 15 giờ 55 phút ngày 31/01/2020, tổ công tác Công an huyện MC khám xét tại nhà N thu giữ 190 viên Methamphetamine có khối lượng 20,216 gam, mục đích N để bán kiếm lời. Như vậy Lù Thị N đã có hành vi mua Methamphetamine để bán lẻ kiếm lời với tổng khối lượng 20,277 gam. Hành vi của bị cáo phạm vào tội *"Mua bán trái phép chất ma túy "* quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bị cáo Bùi Văn K vào hồi 14 giờ 20 phút ngày 31/01/2020, tại nhà Lù Thị N, Bùi Văn K đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,632 gam heroine và 0,061 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện MC truy tố, luận tội và đề nghị xử phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, sai.

2. Xét về tính chất của vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận các bị cáo biết việc Nhà nước cấm tất cả các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe và kinh tế của người sử dụng, nhưng để thỏa mãn nhu cầu nghiện ma túy và hám lời các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy để bán kiếm lời và để có ma túy sử dụng. Hành vi của bị cáo Lù Thị N có tính chất rất nghiêm trọng, của bị cáo Bùi Văn K có tính chất nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện MC và góp phần làm cho ma túy tồn tại và phát triển. Xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình gây ra.

Xét về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và cho người khác sử dụng chỗ ở để sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Bùi Văn K là người nghiện ma túy.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân. Bởi vậy

hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thông qua đó thể hiện chính sách khoan hồng, giảm nhẹ của pháp luật đối với người phạm tội.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc N định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án như biên bản xác minh thu nhập, tài sản và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, các bị cáo đều có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Thị N sau khi phân tích điều kiện, hoàn cảnh, động cơ phạm tội, thái độ của bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS và xém xét các tình tiết có lợi khác để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng khối lượng ma túy bị cáo mua bán là 20,277 gam Methamphetamine, bị cáo phạm vào 2 tình tiết định khung hình phạt do đó mức đề nghị xử phạt bị cáo ở đầu khung hình phạt là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn K đề nghị HĐXX xem xét áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS và xem các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS để giảm nhẹ mức hình phạt, xử phạt bị cáo Bùi Văn K ở mức thấp N do Viện kiểm sát đề nghị. Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của người bào chữa có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần đề nghị.

Các luật sư cũng đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo, trả bị cáo Lù Thị N số tiền không liên quan đến việc phạm tội. HĐXX thấy rằng đề nghị của những người bào chữa là có căn cứ nên cần chấp nhận đề nghị này.

3. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện MC, tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân nhân huyện MC; trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng với quy định của pháp luật.

4. Về vật chứng Hội đồng xét xử thấy rằng:

19,226 gam Methamphetamine, 0,553 gam heroine còn lại sau khi trích mẫu giám định; 0,04 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định mẫu M2 của Bùi Văn K; 02 túi ni lông màu xanh; 01 mảnh ni lông màu xanh; 08 mảnh giấy bạc màu vàng trắng; 01 mảnh ni lông màu xanh; 01 lưỡi dao lam; 01 mảnh giấy bạc bị đốt cháy; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 chai nhựa màu trắng có gắn vòi nhựa. Những vật chứng trên là vật cấm tàng trữ, lưu hành, là công cụ dùng vào việc phạm tội,

vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS

Số tiền 40.000 đồng do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách. Số tiền 381.000 đồng không liên quan cần trả lại bị cáo Lù Thị N theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS.

Đối với số tiền 7.628.000 đồng thu giữ tại nhà bị cáo Lù Thị N qua điều tra xác định là của ông Lù Văn Th và cháu Hoàng Thị Q gửi bị cáo giữ hộ không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Lù Thị N, Bùi Văn K các bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của người này nên không có cơ sở để điều tra làm rõ. HĐXX không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

Ngoài lần Bùi Văn K mua ma túy của Lù Thị N vào ngày 31/01/2020 và sau đó bị bắt, thì Bùi Văn K còn khai nhận đã mua ma túy của N trước đó hai lần vào ngày 29/01/2020 và ngày 30/01/2020. Nhưng ngoài lời khai của Bùi Văn K thì không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lù Thị N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; Bị cáo Bùi Văn K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm b,i khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lù Thị N 9 năm 6 tháng (*chín năm sáu tháng*) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/01/2020

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bùi Văn K 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/01/2020

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS

+ Tịch thu tiêu hủy: 19,226 gam Methamphetamine, 0,553 gam heroine còn lại sau khi trích mẫu giám định; 0,04 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định mẫu M2 của Bùi Văn K; 02 túi ni lông màu xanh; 01 mảnh ni lông màu xanh; 08 mảnh giấy bạc màu vàng trắng; 01 mảnh ni lông màu xanh; 01 lưỡi dao lam; 01 mảnh giấy bạc bị đốt cháy; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 chai nhựa màu trắng có gắn vòi nhựa. Đã được niêm phong.

+ Tịch thu nộp ngân sách số tiền 40.000 đồng. Đã được niêm phong

+ Trả bị cáo Lù Thị N số tiền 381.000 đồng. Đã được niêm phong

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an

huyện MC và Chi cục Thi hành án dân sự huyện MC, tỉnh Điện Biên ngày 22/4/2020).

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với Lù Thị N, Bùi Văn K

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/6/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/6/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện MC*
- *Nhà tạm giữ CA huyện MC*
- *Cơ quan THAHS huyện MC*
- *Cơ quan CSĐT CA huyện MC*
- *Chi cục THADS huyện MC*
- *Bị cáo; Người bào chữa;*
- *Những người **C**QLNVLQ;*
- *Phòng GĐKT TA tỉnh ĐB;*
- *VKS tỉnh Điện Biên;*
- *Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;*
- *CA tỉnh Điện Biên;*
- *UBND thị trấn MC*
- *Lưu hồ sơ THA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Hưng